

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN HẢI CHÂU
TP. ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2020/DS- ST

Ngày 23 - 12 – 2020

“V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU- THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Ba

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Huỳnh Trung Dũng

- Ông Hoàng Minh T

Thư ký phiên tòa: Ông **Phan Đình Vui** – Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Ly Na** – Chức vụ: Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Ngày 23 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng tiến hành công khai xét xử vụ án dân sự thụ lý số 40/2020/TLST- DS ngày 20 tháng 02 năm 2020 về việc “ Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2020/QĐXX-DS ngày 20/8/2020 giữa:

* Nguyên đơn:**Ngân hàng TMCP S** – Trụ sở tại: 266 – 268 N, phường 8, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại chỉ liên lạc: Số 240 đường N, thành phố Đà Nẵng.

Đại diện theo ủy quyền: Ông **Trương Đình V**. Theo văn bản ủy quyền số 2101/2019/UQ-TTT ngày 30 tháng 12 năm 2019. Có mặt.

* Bị đơn: Bà **Dương Thị Mai T** – Sinh năm: 1981 – Địa chỉ: Số K257/11 đường Phan Chu T, tổ 22, phường P, quận H, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện tháng 12/2019, tại bản trình bày và tại phiên tòa Trương Đình V đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP S trình bày:

Ngày 22/5/2010 giữa Ngân hàng TMCP S và bà Dương Thị Mai T có ký hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Căn cứ vào thu nhập của bà T, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng cho bà T với hạn mức sử dụng là 15.000.000đ, mục đích là tiêu dùng cá nhân, lãi suất là 2,15%/tháng, lãi quá hạn bằng

150% lãi trong hạn, sau khi được cấp thẻ bà T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 36.692.820đ.

Trong quá trình sử dụng thẻ, kể từ ngày kích hoạt cho đến nay bà T đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền là 29.933.000đ. Sau đó bà T không thanh toán thêm, mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà T vẫn cố tình dây dưa không trả nợ, do vậy ngày 21/05/2013 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của bà Dương Thị Mai T.

Tính đến ngày 21/05/2013 bà Dương Thị Mai T còn nợ Ngân hàng số tiền gốc là 16.956.653đ (Mười sáu triệu chín trăm năm mươi sáu ngàn sáu trăm năm mươi ba đồng y).

Kể từ ngày 21/5/2014 chuyển toàn bộ dư nợ chưa thanh toán của bà Dương Thị Mai T sang nợ quá hạn.

Sau khi Ngân hàng chấm dứt quyền sử dụng thẻ đối với bà Dương Thị Mai T và chuyển toàn bộ số nợ sang nợ quá hạn bà T vẫn không thanh toán cho Ngân hàng. Nên Ngân hàng đã khởi kiện bà T tại Tòa án nhân dân quận Hải Châu đề nghị Tòa án buộc bà T phải thanh toán số tiền nợ là 67.521.125đ (Sáu mươi bảy triệu năm trăm hai mươi một ngàn một trăm hai mươi lăm đồng) trong đó tiền gốc là 16.956.653đ và tiền lãi quá hạn phát sinh tính đến ngày 23/12/2020 là 50.564.472đ. Lãi tiếp tục được tính từ ngày 24/12/2020 cho đến khi bà T thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng theo hợp đồng mà các bên đã ký.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án cho bà Dương Thị Mai T nhưng bà T không có văn bản phản hồi, Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập cũng như thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho bà T nhưng bà T vắng mặt không lý do nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải cho các bên đương sự được.

Tại phiên tòa lần thứ hai bà Dương Thị Mai T vắng mặt không lý do.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- **Về việc tuân theo pháp luật về tố tụng:** Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- **Về quan điểm giải quyết vụ án:**

Xét thấy, hợp đồng tín dụng được ký kết giữa các bên là hợp pháp, thỏa mãn các điều kiện có hiệu lực của hợp đồng nên ràng buộc các bên tham gia ký kết. Bà Dương Thị Mai T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán do đó cần căn cứ các Điều 471, 474 BLDS năm 2005 nay là Điều 463, 466 BLDS năm 2015, Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S, buộc bà Dương Thị Mai T phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày 23/12/2020 là 67.521.125 đồng; trong đó, số tiền gốc 16.956.653 đồng, lãi quá hạn 50.564.472 đồng. Bà T tiếp tục chịu lãi phát sinh kể từ ngày 24/12/2020 cho đến khi thanh toán tất cả các khoản nợ cho Ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa và những tình tiết của vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[A] *Về thủ tục tố tụng:*

Tranh chấp về hợp đồng cấp thẻ tín dụng ngày 22/5/2010 giữa Ngân hàng TMCP S với bà Dương Thị Mai T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng theo khoản 3 Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập cũng như quyết định hoãn phiên tòa cho bà Dương Thị Mai T nhưng tại phiên tòa lần hai bà T vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Dương Thị Mai T theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự

[B] *Về nội dung:*

[1] Xét yêu cầu của Ngân hàng TMCP S buộc bà Dương Thị Mai T phải trả nợ với số tiền là 67.521.125đ (Sáu mươi bảy triệu năm trăm hai mươi một ngàn một trăm hai mươi lăm đồng) trong đó tiền gốc là 16.956.653đ và tiền lãi quá hạn phát sinh tính đến ngày 23/12/2020 là 50.564.472đ. Lãi tiếp tục được tính từ ngày 24/12/2020 cho đến khi bà T thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng theo hợp đồng mà các bên đã ký thì thấy:

[1.1] Ngày 22/5/2010 giữa Ngân hàng TMCP S và bà Dương Thị Mai T có ký hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, trên cơ sở hợp đồng đã ký Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng cho bà T với hạn mức sử dụng là 15.000.000đ, mục đích là tiêu dùng cá nhân, lãi suất trong hạn là 2,15%/tháng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Sau khi được cấp thẻ bà T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 36.692.820đ, bà T đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền là 29.933.000đ. Sau đó bà T không tiếp tục thanh toán khoản nợ cho Ngân hàng dù Ngân hàng đã nhiều lần có văn bản yêu cầu bà T phải thanh toán.

Do vậy, Ngân hàng không có nghĩa vụ phải chứng minh các tình tiết, sự kiện mà Ngân hàng đã đưa ra cho yêu cầu khởi kiện đối với bà Dương Thị Mai T về việc trả số nợ trên theo quy định Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì vậy, HĐXX chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng TMCP S buộc bà Dương Thị Mai T phải trả nợ với số tiền là 67.521.125đ (Sáu mươi bảy triệu năm trăm hai mươi một ngàn một trăm hai mươi lăm đồng) trong đó tiền gốc là 16.956.653đ và tiền lãi quá hạn phát sinh tính đến ngày 23/12/2020 là 50.564.472đ. Lãi tiếp tục được tính từ ngày 24/12/2020 cho đến khi bà T thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng là có cơ sở được quy định tại Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự và khoản 2 Điều 91 Luật tín dụng.

[3] Theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn là bà Dương Thị Mai T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là $67.521.125 \times 5\% = 3.376.056đ$.

Vì các lẽ trên quyết định.

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật dân sự.
- Áp dụng khoản 2 Điều 91 Luật tín dụng
- Áp dụng: Điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 235 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự
- Áp dụng Điều 26 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S đối với bà Dương Thị Mai T.

Buộc bà Dương Thị Mai T phải trả cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín số tiền là Dương Thị Mai T phải trả nợ với số tiền là 67.521.125đ (Sáu mươi bảy triệu năm trăm hai mươi một ngàn một trăm hai mươi lăm đồng) trong đó tiền gốc là 16.956.653đ và tiền lãi quá hạn phát sinh tính đến ngày 23/12/2020 là 50.564.472đ.

Lãi tiếp tục được tính từ ngày 24/12/2020 theo hợp đồng mà các bên đã ký cho đến khi bà T thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Dương Thị Mai T phải chịu là 3.376.056đ (Ba triệu ba trăm bảy mươi sáu ngàn không trăm năm mươi sáu đồng)

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.497.089đ theo biên lai số 0008879 ngày 20/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu thành phố Đà Nẵng.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ nhận được hoặc niêm yết trích sao bản án

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7,9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- Các đương sự;
- VKSND quận Hải Châu;
- Chi cục THADS quận Hải Châu;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thu Ba